TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-01-2024
V/v:"Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TÂY NINH

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Thanh Bình;

2. Bà Nguyễn Xuân Thuỷ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 561/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; nơi cư trú: tổ C ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968; nơi cư trú: tổ H ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà T, ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 15/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn N tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau vào năm 1991, không tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn, lý do là vì thiếu hiểu biết nên không đi đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống với nhau tình cảm vợ

chồng luôn bất đồng ý kiến, không cùng chung quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng thiếu tôn trọng nhau, năm 2006 đến nay hai ông bà sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay bà T yêu cầu Toà án xem xét không công nhận bà và ông N là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên tên Nguyễn Thị Trúc D, sinh ngày 29/3/1992; Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/12/1994; Nguyễn Thị B, sinh ngày 02/02/1996 và Nguyễn Văn G, sinh ngày 22/7/1998. Các con đã trưởng thành không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian chung sống với nhau, ông bà không có đăng ký kết hôn và có 04 người con đã trưởng thành. Ông đồng ý theo đơn ly hôn của bà T, do không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến và quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng, có căn cứ theo quy định của pháp luật. Về việc tống đạt các văn bản cho các đương sự cũng như xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, 15, 51,và 53 Luật Hôn nhân và gia đình:Tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N là vợ chồng; Về con chung: đã trưởng thành không xem xét; Tài sản chung; Nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Án phí giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N.

[**2**] Về nội dung:

[**2.1**] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà T và ông N chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Bà T có yêu cầu ly hôn với ông N, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông N là phù hợp.

[**2.2**] Về con chung: Ông bà chung sống có 04 con chung tên Nguyễn Thị Trúc D, sinh ngày 29/3/1992; Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/12/1994; Nguyễn Thị B, sinh ngày 02/02/1996 và Nguyễn Văn G, sinh ngày 22/7/1998. Các con đã trưởng thành không yêu cầu xem xét.

[**2.3**] Về tài sản chung: Về nợ chung: Ghi nhận không yêu cầu giải quyết.

[**3**] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**4**] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, 15, 51 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung : Ông bà có 04 con chung tên Nguyễn Thị Trúc D, sinh ngày 29/3/1992; Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/12/1994; Nguyễn Thị B, sinh ngày 02/02/1996 và Nguyễn Văn G, sinh ngày 22/7/1998, tất cả đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung; Nợ chung: Ghi nhận không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 300.000(Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008574 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Thị Hương

Nơi nhận
-Phòng kiểm tra NV- TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND h. Châu Thành, t. Tây Ninh;
-Chi cục THADS h. C,t.Tây Ninh;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án (H2).